**Mở đầu**

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta có sự phát triển ngày càng đa dạng các loại hình kinh tế, nhưng kinh tế tập thể luôn giữ vị trí, vai trò rất quan trọng. Để đo lường phạm vi, quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tập thể, thống kê sử dụng nhiều chỉ tiêu; trong đó, tổng sản phẩm trong nước (GDP) là một trong những chỉ tiêu chủ yếu, có nhu cầu sử dụng lớn và thường xuyên tăng lên. Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII xác định: *“Đóng góp về mặt kinh tế của kinh tế tập thể trong nền kinh tế quốc dân là tỷ trọng đóng góp vào GDP”*. Trên cơ sở nhận thức ý nghĩa của chỉ tiêu GDP như vậy nên ngay từ năm 1994, bắt đầu áp dụng Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) của Liên hợp quốc thay thế Hệ thống bảng cân đối vật chất (MPS); hằng năm Tổng cục Thống kê và Cơ quan Thống kê các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đều biên soạn và công bố đầy đủ số liệu GDP kinh tế tập thể; được các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế thống nhất sử dụng.

Tuy nhiên, do nền kinh tế phát triển năng động và cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh, phương pháp biên soạn chưa thích ứng kịp nên số liệu GDP kinh tế tập thể biên soạn, công bố những năm gần đây có xu hướng thấp hơn so với thực tế. Để nâng cao hơn nữa chất lượng số liệu GDP kinh tế tập thể, trong Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02/02/2023 ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới, Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng Đề án *“Nghiên cứu, thống kê, biên soạn số liệu GDP loại hình kinh tế tập thể”.* Đề án đã được Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao Tổng cục Thống kê chủ trì, phối hợp với Thống kê các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan dự thảo trình Bộ trưởng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Đây là Đề án nghiệp vụ chuyên sâu, phức tạp; nhưng lĩnh vực này đã được triển khai thực hiện hơn 30 năm theo tiêu chuẩn quốc tế và thường xuyên cập nhật, hoàn thiện. Do vậy, dự thảo Đề án không xây dựng phương pháp biên soạn mới, chỉ bổ sung một số nội dung nhằm chuẩn hóa phương pháp biên soạn hiện có, dưới tiêu đề: *“Nghiên cứu hoàn thiện phương pháp biên soạn số liệu GDP loại hình kinh tế tập thể”* trình Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt. Dự thảo Đề án được trình bày trong 6 phần chính:

(1) Sự cần thiết của Đề án;

(2) Quan điểm xây dựng và mục tiêu của Đề án;

(3) Nhiệm vụ chủ yếu của Đề án;

(4) Giải pháp thực hiện Đề án;

(5) Tổ chức thực hiện Đề án;

(6) Đánh giá tính khả thi, tính hiệu quả của Đề án và đề xuất, kiến nghị.

Tổng cục Thống kê và Ban Biên soạn Đề án chân thành cảm ơn sự phối hợp chặt chẽ, trách nhiệm, hiệu quả của Thống kê các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan trong quá trình xây dựng Dự thảo Đề án./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TỔNG CỤC THỐNG KÊ** |

**I. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ ÁN**

**1.1. Xuất phát từ vị trí, vai trò của kinh tế tập thể**

**1.1.1. Kinh tế tập thể trong các nền kinh tế thế giới**

Kinh tế tập thể xuất hiện khá sớm và luôn tồn tại trong đời sống kinh tế thế giới. Nhưng phân chia nền kinh tế theo các thành phần; trong đó có kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể chỉ diễn ra ở các nền kinh tế thuộc Hệ thống Xã hội chủ nghĩa trước đây cùng với sự xác lập hai hình thức sở hữu tư liệu sản xuất chủ yếu: Sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể. Đầu những năm 90 của Thế kỷ trước, Hệ thống Xã hội chủ nghĩa tan rã; đến nay không còn nhiều quốc gia phân chia cơ cấu nền kinh tế theo thành phần kinh tế và nếu có thì sự phân chia này được dựa trên nhiều tiêu thức phân loại, không đơn thuần dựa vào sở hữu tư liệu sản xuất như lý luận kinh tế xã hội chủ nghĩa. Xét về bản chất, tính phổ biến của kinh tế tập thể trong các nền kinh tế thế giới là kinh tế hợp tác với hình thức tổ chức chủ yếu là hợp tác xã. Hợp tác xã đã có lịch sử phát triển hàng trăm năm, ở hầu hết các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới với phạm vi rộng và vai trò lớn.

Ở khu vực Đông Nam Á, tuy các thể chế chính trị khác nhau, nhưng hợp tác xã hiện diện trong nền kinh tế của tất cả các nước, nhất là các nước có nền kinh tế lớn. Ở Thái Lan, hợp tác xã phát triển mạnh trong nông nghiệp và hoạt động tín dụng. Để hỗ trợ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các hợp tác xã và thành viên hợp tác xã, Chính phủ Thái Lan đã thành lập Liên đoàn Hợp tác xã Thái Lan (CLT). Trong Bộ Nông nghiệp và Hợp tác xã Thái Lan có hai đơn vị chuyên trách về hợp tác xã là Vụ Phát triển hợp tác xã và Vụ Kiểm toán hợp tác xã. Năm 2018, Thái Lan có trên 8,1 nghìn hợp tác xã với 11,6 triệu thành viên. Năm 2016 Indonesia có 212,1 nghìn hợp tác xã với 37,8 triệu thành viên và 574,5 nghìn lao động. Cũng trong năm 2016, Philippines có 19,1 nghìn hợp tác xã với 7,7 triệu thành viên và 226,4 nghìn lao động. Năm 2017, Myanmar có 40,6 nghìn hợp tác xã với 4,3 triệu thành viên và 132,6 nghìn lao động.

Trong nền kinh tế các nước Đông Bắc Á, hợp tác xã phát triển rộng khắp, nhất là lĩnh vực nông nghiệp và tại các vùng nông thôn xa xôi, hẻo lánh. Hàn Quốc đã thành lập Liên đoàn quốc gia Hợp tác xã nông nghiệp (NACF) từ năm 1961 với gần 1,4 nghìn hợp tác xã thành viên, nắm giữ 40% thị phần nông sản trong nước; quản lý ngân hàng có số tiền gửi lớn nhất cả nước và chiếm lĩnh toàn bộ thị trường bảo hiểm khu vực nông thôn. Ở Nhật Bản, hợp tác xã được tổ chức dưới 2 hình thức: Hợp tác xã tiêu dùng và Hợp tác xã nông nghiệp. Các Hợp tác xã tiêu dùng Nhật Bản sản xuất và tiêu thụ 10 ngành sản phẩm mang nhãn hiệu “Co-op”. Năm 1972, Nhật Bản thành lập Liên hiệp các Hợp tác xã quốc gia (ZEN-NOH). Hiện nay, ZEN-NOH là kênh tiêu thụ nông sản chủ yếu với 90% sản lượng lúa gạo, trên 50% sữa tươi, rau quả và các sản phẩm nông nghiệp khác trên thị trường nội địa. Năm 2018, Nhật Bản có 42 nghìn hợp tác xã với 105 triệu thành viên và 570 nghìn lao động. Năm 2017, Trung Quốc cũng có 30,3 nghìn hợp tác xã với 3,4 triệu thành viên.

Ấn Độ tiến hành nhiều giải pháp phát huy vị trí, vai trò của các hợp tác xã. Bên cạnh không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật, trong đó có việc bổ sung, sửa đổi Luật Hợp tác xã phù hợp với từng giai đoạn, Chính phủ còn thành lập Liên minh Hợp tác xã quốc gia (NCUI); đồng thời thành lập Công ty quốc gia Phát triển hợp tác xã thực hiện các dự án chế biến, tiêu thụ nông lâm sản, hàng thủ công mỹ nghệ và các mặt hàng tiêu dùng, xuất khẩu khác với tổng số vốn trên 18 tỷ USD. Các hợp tác xã Ấn Độ sản xuất 62,4% sản lượng đường; 42,6% sữa; 34,0% sản lượng phân bón và cung cấp 43,0% tín dụng của cả nước.

Các nền kinh tế châu Âu có gần 290 nghìn hợp tác xã thuộc nhiều ngành nghề khác nhau với 140 triệu thành viên. Riêng khu vực nông nghiệp của các nước thuộc Liên minh châu Âu (EU) có 30 nghìn hợp tác xã với doanh thu hằng năm 210 tỷ EUR. Năm 2018, Pháp có 22,6 nghìn hợp tác xã với 28,7 triệu thành viên và 1,3 triệu lao động. Hà Lan tuy dân số chỉ có 17 triệu người, nhưng có tới 2,5 nghìn hợp tác xã với 30 triệu thành viên. Nhiều cá nhân, hộ gia đình Hà Lan là thành viên của 2-3 hợp tác xã. Doanh thu trung bình hằng năm của các hợp tác xã Hà Lan thường đạt 110 triệu EUR. Hợp tác xã trong các ngành kinh tế Đức tạo ra 150 nghìn việc làm; sản xuất, chế biến và tiêu thụ 30% sản lượng rượu nho, 60% sản lượng sữa và 70% sản lượng thịt của cả nước.

Các nước Bắc Mỹ và Mỹ La-tinh có 50 nghìn hợp tác xã với 150 triệu thành viên. Các hợp tác xã nông nghiệp đảm nhận 1/3 khối lượng công việc thu hoạch, chế biến và tiêu thụ nông sản với doanh thu 105 tỷ USD/năm. Năm 2018, nước Mỹ có 29,3 nghìn hợp tác xã với 350,9 triệu thành viên và 856,3 nghìn lao động; bình quân mỗi hợp tác xã có gần 12,0 nghìn thành viên. Châu Mỹ có nhiều hợp tác xã lớn, thương hiệu nổi tiếng. Dairy Farmers of America (DFA) có doanh thu trung bình hằng năm 10,5 tỷ USD; Blue Diamond (BD) trồng hạnh nhân, chiếm 1/3 thị phần hạnh nhân thế giới. Các hợp tác xã này đang đi đầu trong việc phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, sản phẩm sạch và liên kết theo chuỗi giá trị.

**1.1.2. Kinh tế tập thể trong nền kinh tế nước ta**

Trong nền kinh tế nước ta, kinh tế tập thể có vị trí, vai trò rất quan trọng. Ngay sau khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, ngày 11/4/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi các điền chủ nông gia Việt Nam tham gia hợp tác xã nông nghiệp và sau đó, hàng loạt hợp tác xã nông nghiệp đã ra đời. Đây là những tổ chức kinh tế tập thể đầu tiên ở nước ta và sau này phát triển rộng khắp trên nhiều lĩnh vực. Quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với kinh tế tư nhân, tư sản và những người sản xuất nhỏ diễn ra sôi nổi những năm 50-60 của Thế kỷ trước ở miền Bắc và trong những năm sau ngày thống nhất đất nước ở miền Nam càng thúc đẩy kinh tế tập thể hình thành, phát triển ở tất cả các ngành, các lĩnh vực kinh tế của đất nước.

Đến năm 1985, ngành nông nghiệp đã có 16.334 hợp tác xã và 39.390 tập đoàn sản xuất, giữ vai trò chủ yếu trong sản xuất lương thực, thực phẩm, cung cấp nguyên liệu nông nghiệp cho công nghiệp chế biến và nông sản xuất khẩu. Trong công nghiệp, đến năm 1988 đã thành lập được 33.034 cơ sở sản xuất tập thể, sử dụng 1.177,8 nghìn lao động và tạo ra 40% giá trị tổng sản lượng của toàn ngành công nghiệp; bao gồm: 5.514 hợp tác xã chuyên nghiệp với 567,4 nghìn lao động; 15.063 hợp tác xã liên doanh với 411,5 nghìn lao động; 11.457 tổ sản xuất với 198,9 nghìn lao động. Năm 1986, ngành thương nghiệp, dịch vụ có 42.038 cơ sở tập thể; bao gồm 28.867 hợp tác xã mua bán phường, xã; 5.201 cơ sở bán thuốc ở xã và 7.970 cơ sở ăn uống, dịch vụ khác. Các cơ sở kinh tế tập thể trong ngành thương nghiệp, dịch vụ năm 1986 thu hút 48,8 nghìn lao động, cung cấp 14,6% tổng mức bán lẻ hàng hóa trên thị trường xã hội.

Tuy nhiên, do phát triển ồ ạt, gượng ép, chủ yếu dựa vào bao cấp các yếu tố đầu vào và bao tiêu các sản phẩm đầu ra nên hiệu quả thấp, tác động tiêu cực tới sự phát triển chung của toàn bộ nền kinh tế. Đại hội Đảng lần thứ VI đã đề ra đường lối đổi mới kinh tế, chuyển mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp cao độ sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, đa dạng hình thức sở hữu đã củng cố vị trí, vai trò và nâng cao chất lượng sản xuất kinh doanh của kinh tế tập thể. Trên cơ sở kết quả và bài học kinh nghiệm sau 15 năm đổi mới kinh tế, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

Triển khai Nghị quyết số 13-NQ/TW, các Cơ quan Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo và hướng dẫn tổ chức thực hiện. Ngày 08/4/2002, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 11-CT/TW về việc nghiên cứu quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW; ngày 14/12/2006 tiếp tục ban hành Kết luận số 08/TW về tình hình 5 năm thực hiện Nghị quyết và ngày 20/01/2008 ra Chỉ thị số 20-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo thực hiện Nghị quyết. Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/02/2013 về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết và Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX. Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 94/2002/QĐ-TTg về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết và Chỉ thị số 22/2003/CT-TTg ngày 03/10/2003 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW. Chính phủ ban hành Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 25/9/2020 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị.

Sau 20 năm triển khai quyết liệt thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, đến đầu năm 2022, cả nước có 69,3 nghìn tổ hợp tác; bao gồm gần 34,9 nghìn tổ hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp và 34,4 nghìn tổ hợp tác trong lĩnh vực phi nông nghiệp; thu hút 1,1 triệu thành viên tham gia. Doanh thu bình quân mỗi tổ hợp tác năm 2021 đạt trên 294,8 triệu đồng, gấp 6,5 lần năm 2001; lợi nhuận bình quân mỗi tổ hợp tác đạt 49,0 triệu đồng, gấp 6,8 lần. Tại thời điểm 31/12/2022, cả nước có 29,4 nghìn hợp tác xã với trên 5,9 triệu thành viên. Số hợp tác xã thành lập ới 10 năm 2012 - 2022 là 28,9 nghìn hợp tác xã, gấp gần 2,5 lần số hợp tác xã thành lập mới 10 năm 2001 - 2011. Đến cuối năm 2021, cả nước đã thành lập được 103 liên hiệp hợp tác xã, gấp 9,3 lần năm 2001; bao gồm 79 liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp và 24 liên hiệp hợp tác xã phi nông nghiệp. Các liên hiệp hợp tác xã đã tạo việc làm cho trên 17,9 triệu lao động với thu nhập bình quân mỗi năm đạt 60 - 80 triệu đồng/người. Trong 20 năm (2000 - 2020), bình quân mỗi năm GDP kinh tế tập thể tăng 4,02%. Tuy nhiên, do tốc độ tăng trưởng thấp hơn mức tăng GDP của cả nước cũng như của các loại hình kinh tế khác nên tỷ trọng kinh tế tập thể chiếm trong tổng GDP của toàn bộ nền kinh tế có xu hướng giảm dần; từ tỷ trọng 6,81% năm 2005, giảm xuống 3,99% năm 2010; 4,00% năm 2015 và 3,62% năm 2020.

Để phát huy kết quả đạt được, đồng thời khắc phục những hạn chế, yếu kém đang tồn tại nhằm nâng cao hơn nữa vị trí, vai trò của kinh tế tập thể, ngày 12/3/2021 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 340/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2030, với mục tiêu đến năm 2030 cả nước có 140 nghìn tổ hợp tác với 2 triệu thành viên; 45 nghìn hợp tác xã với 8 triệu thành viên và 340 liên hiệp hợp tác xã với 1,7 nghìn hợp tác xã thành viên. Ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII đã ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới với quan điểm chỉ đạo: “*Kinh tế tập thể là thành phần kinh tế quan trọng, phải được củng cố và phát triển cùng kinh tế nhà nước trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân*”.

**1.2. Xuất phát từ thực trạng biên soạn GDP loại hình kinh tế tập thể ở nước ta hiện nay**

**1.2.1. Kết quả đạt được**

Trong những năm vừa qua, nhất là trong những năm gần đây, ngành Thống kê đã có nhiều nỗ lực tổ chức các hoạt động sản xuất và cung cấp thông tin thống kê kinh tế - xã hội nói chung và kinh tế tập thể nói riêng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sử dụng của các cơ quan, tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật. Các Cơ quan Thống kê từ Trung ương đến địa phương không ngừng cập nhật, bổ sung và hoàn thiện phương pháp nghiệp vụ trong quy trình thu thập, tổng hợp, biên soạn và công bố nhiều chỉ tiêu chủ yếu phản ánh động thái và thực trạng kinh tế tập thể qua các thời kỳ. Việc biên soạn GDP toàn bộ nền kinh tế nói chung và GDP kinh tế tập thể nói riêng đã áp dụng theo tiêu chuẩn quốc tế.

Thực hiện Quyết định số 183-TTg ngày 25/12/1992 của Thủ tướng Chính phủ về áp dụng Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) của Liên hợp quốc thay thế Hệ thống bảng cân đối vật chất (MPS), Tổng cục Thống kê và Cơ quan Thống kê các địa phương đã tiến hành biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP) thay cho chỉ tiêu tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân của Hệ thống MPS. Theo đó, từ năm 1994, GDP kinh tế tập thể của cả nước và GRDP kinh tế tập thể của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được biên soạn theo giá hiện hành (giá thực tế) và giá so sánh. Trên cơ sở đó, tính toán tốc độ tăng trưởng kinh tế và tỷ trọng đóng góp của kinh tế tập thể trong tổng GDP hằng năm cũng như các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp liên quan khác. Kết quả biên soạn được công bố trong Niên giám thống kê hằng năm; Trang thông tin điện tử thống kê và phổ biến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng; được các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế thống nhất sử dụng.

Đến nay, trong hệ thống chỉ tiêu thống kê do Thống kê bộ, ngành, địa phương biên soạn, công bố đã có nhiều chỉ tiêu phân tổ theo loại hình kinh tế, trong đó có kinh tế tập thể. Trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia có 33 chỉ tiêu phân theo loại hình kinh tế tập thể, trong đó Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) biên soạn và công bố 15 chỉ tiêu. Từ năm 2020, hằng năm Tổng cục thống kê chủ trì, phối hợp với Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và các cơ quan, tổ chức khác biên soạn, phát hành *“Sách trắng hợp tác xã Việt Nam”* với 23 chỉ tiêu chủ yếu.

**1.2.2. Hạn chế, bất cập**

Bên cạnh kết quả đạt được rất quan trọng nêu trên, việc biên soạn GDP kinh tế tập thể còn có những khó khăn, hạn chế; nổi bật là cho đến nay vẫn chưa có khung khổ pháp lý xác định đầy đủ các hình thức tổ chức kinh tế tập thể ở nước ta bao gồm những hình thức tổ chức nào. Do vậy, thiếu căn cứ để triển khai các hoạt động thu thập thông tin thống kê đầu vào biên soạn GDP kinh tế tập thể.

Các nghị quyết, văn bản chỉ đạo của các Cơ quan Đảng chủ yếu xác định vị trí, vai trò và đề ra đường lối, chủ trương phát triển kinh tế tập thể. Nghị quyết số 20-NQ/TW đã cụ thể hoá thêm quan điểm chỉ đạo, xác định kinh tế tập thể bao gồm nhiều hình thức tổ chức hợp tác đa dạng, phát triển từ thấp đến cao, nhưng cũng chỉ đề cập 3 hình thức tổ chức: Tổ hợp tác, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã. Trong giải pháp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy định pháp luật về kinh tế tập thể, Nghị quyết đã đề ra nhiệm vụ: “*Quy định về các loại hình tổ chức kinh tế tập thể”*. Theo tinh thần chỉ đạo đó, trong Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết, Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn phân loại theo loại hình kinh tế (bao gồm kinh tế tập thể).

Về văn bản pháp luật, Luật Hợp tác xã năm 1996 đã đề cập tổ hợp tác, nhưng chỉ điều chỉnh hợp tác xã. Luật hợp tác xã năm 2003 tiếp tục xác định phạm vi điều chỉnh là hợp tác xã, không nhắc tới tổ hợp tác như Luật Hợp tác xã năm 1996. Luật Hợp tác xã năm 2012 chỉ bổ sung thêm liên hiệp hợp tác xã và Luật Hợp tác xã năm 2023 mới chính thức đưa tổ hợp tác vào phạm vi điều chỉnh. Tuy đã có sự bổ sung nhưng cũng chỉ mới luật hóa 3 hình thức tổ chức kinh tế tập thể là: Tổ hợp tác, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã. Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021- 2030, mặc dù đề ra quan điểm phát triển kinh tế tập thể nhanh và bền vững “*với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng*”, nhưng trong mục tiêu cụ thể đến năm 2030 chỉ định hướng phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã với phạm vi tương tự các văn bản khác.

Việc tiếp thu lý luận và kinh nghiệm biên soạn GDP kinh tế tập thể từ các quốc gia, vùng lãnh thổ và các tổ chức quốc tế càng khó khăn vì như đã đề cập, kinh tế thế giới không phân chia theo các thành phần kinh tế. Việc đo lường quy mô và đóng góp của hợp tác xã chủ yếu sử dụng các chỉ tiêu số lượng, bao gồm: Số đơn vị, số thành viên, số lao động, số việc làm tạo ra và một số chỉ tiêu khác như doanh thu hằng năm và thu nhập của người lao động. Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) thường xuyên tổ chức các hội nghị hướng dẫn thống kê hợp tác xã, nhưng đối tượng được mời tham dự hầu hết là những nhà thống kê lao động và nội dung hội nghị thường tập trung vào thống kê lao động, việc làm. Trong các tài liệu hướng dẫn thống kê hợp tác xã, ILO đã nêu ra chỉ tiêu giá trị tăng thêm (VA), nhưng không khuyến cáo biên soạn, công bố GDP của hợp tác xã.

Bảng tổng hợp số liệu thống kê hằng năm về hợp tác xã của 69 quốc gia do ILO thực hiện và Trang thông tin điện tử cập nhật các chỉ tiêu thống kê hợp tác xã của các nền kinh tế thành viên Liên minh Hợp tác xã thế giới (ICA), trong đó có 300 hợp tác xã quy mô lớn nhất toàn cầu, hầu như không tìm được các dãy số liệu GDP kinh tế hợp tác xã liên tục nhiều năm của bất kỳ quốc gia, vùng lãnh thổ nào. Nếu có cũng chỉ là số liệu rải rác, đơn lẻ, thiếu tính pháp lý; phương pháp tính chưa thực sự khoa học, thậm chí còn có sự khác biệt so với khung lý luận của Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) và phương pháp luận thống kê.

Đơn cử, kết quả nghiên cứu của hai tác giả thuộc hai trường đại học, được Viện Phát triển kinh tế Cộng đồng Canada công bố, trong năm 2019, các hợp tác xã Canada tạo ra 49,2 tỷ USD, chiếm 2,5% GDP cả nước. Trong nhiều năm qua, Indonesia chỉ công bố tỷ trọng GDP kinh tế tập thể chiếm trong tổng GDP của cả nước năm 2016 là 4,48%. Năm 2018, Thái Lan cũng chỉ công bố tỷ trọng này của năm 2017 là 13,0%. Những số liệu như vậy chủ yếu có ý nghĩa nghiên cứu, tham khảo, ít được các tổ chức, cá nhân sử dụng do không biên soạn theo tiêu chuẩn SNA và chưa được Cơ quan Thống kê quốc gia hoặc cơ quan chuyên môn có chức năng biên soạn GDP thẩm định, công bố.

Ở nước ta, để chủ động thu thập, tổng hợp thông tin đầu vào biên soạn GDP kinh tế tập thể, ngày 27/12/1993, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ra Quyết định số 147-TCTK/PPCĐ ban hành Hệ thống phân loại khu vực và thành phần kinh tế áp dụng trong công tác thống kê. Trong Quyết định này, phạm vi thành phần kinh tế tập thể được xác định bao gồm: (1) Các hợp tác xã nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, vận tải, mua bán, dịch vụ…; (2) Các tập đoàn sản xuất hoạt động giống như hợp tác xã; (3) Liên doanh liên kết giữa các đơn vị kinh tế tập thể với nhau; (4) Các doanh nghiệp hoạt động trên cơ sở góp vốn của các hộ công nhân viên thuộc cơ quan, đoàn thể và tổ chức hiệp hội.

Ngày 17/4/2002, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ban hành Công văn số 231-TCTK/PPCĐ yêu cầu các đơn vị trực thuộc Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thống nhất thực hiện Danh mục các đơn vị kinh tế, hành chính, sự nghiệp áp dụng trong điều tra và báo cáo thống kê. Danh mục này xác định các tổ chức kinh tế thuộc thành phần kinh tế tập thể bao gồm: (1) Hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo Luật Hợp tác xã; (2) Liên hiệp hợp tác xã hoạt động theo nguyên tắc hợp tác xã; (3) Đơn vị sự nghiệp dân lập; (4) Đơn vị thuộc tổ chức xã hội - nghề nghiệp ngoài nhà nước hoạt động chủ yếu bằng kinh phí do hội viên đóng góp; (5) Đơn vị thuộc tổ chức xã hội ngoài nhà nước hoạt động chủ yếu bằng kinh phí do hội viên đóng góp. Tuy nhiên, các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ nêu trên đã ban hành cách đây 20-30 năm, nhiều nội dung không còn phù hợp nên không thể tiếp tục áp dụng.

Trong những năm vừa qua, nền kinh tế nước ta có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế mạnh mẽ, xuất hiện ngày càng nhiều hình thức tổ chức kinh tế mới và sự đan xen giữa các loại hình kinh tế diễn ra khá phức tạp nhưng việc biên soạn GDP kinh tế tập thể chủ yếu dựa vào hai văn bản luật là Luật Hợp tác xã và Luật Các tổ chức tín dụng. Theo đó, phạm vi biên soạn GDP kinh tế tập thể bao gồm: Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tổ chức tín dụng là hợp tác xã. Do vậy, số liệu GDP kinh tế tập thể trong nền kinh tế nước ta được biên soạn, công bố và sử dụng thực chất là GDP của các hợp tác xã; không bao gồm GDP của tất cả các hình thức tổ chức kinh tế tập thể tạo ra, đặc biệt là hoàn toàn không có GDP của các tổ chức xã hội thuộc loại hình kinh tế tập thể.

Đề cập hạn chế sau 20 năm thực hiện Nghị quyết 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, Nghị quyết số 20-NQ/TW đã chỉ rõ: “Đánh giá về hiệu quả và đóng góp của kinh tế tập thể trong nền kinh tế chưa đầy đủ dẫn đến hạ thấp vai trò, vị trí của thành phần kinh tế trong nền kinh tế quốc dân”. Chính vì vậy, trong Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02/02/2023 ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới, Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng *Đề án nghiên cứu, thống kê, biên soạn số liệu GDP loại hình kinh tế tập thể* trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đây là Đề án có ý nghĩa nhiều mặt cả về kinh tế, chính trị và xã hội; bao gồm cả lý luận và thực hành.

**II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VÀ MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN**

**2.1. Quan điểm xây dựng Đề án**

(1) Quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về nâng cao vị trí, vai trò và định hướng phát triển kinh tế tập thể ở nước ta; trong đó có Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; Chiến lược phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2030 đã được Thủ trướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 340/QĐ-TTg ngày 12/3/2021.

(2) Kết hợp chặt chẽ lý luận kinh tế vĩ mô, phương pháp luận thống kê, nguyên tắc biên soạn các chỉ tiêu thuộc Hệ thống tài khoản quốc gia và bài học kinh nghiệm tích lũy được với thực tiễn, điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của đất nước; tập trung vào những vấn đề chuyên môn nghiệp vụ then chốt, thiết thực và khả thi; bảo đảm phản ánh chính xác động thái và thực trạng kinh tế tập thể trong nền kinh tế nước ta; góp phần nâng cao chất lượng số liệu GDP loại hình kinh tế tập thể biên soạn, cung cấp, công bố, phổ biến cho các đối tượng sử dụng.

(3) Các nội dung chủ yếu phải được cụ thể hóa bằng chương trình, kế hoạch hành động; được triển khai thực hiện bằng hệ thống giải pháp đồng bộ về nhận thức, khung khổ pháp lý, nguồn nhân lực, vật lực, tài lực và những điều kiện khác. Thường xuyên rà soát, kịp thời bổ sung hoàn thiện phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta.

**2.2. Mục tiêu của Đề án**

**2.2.1. Mục tiêu tổng quát**

Thu thập, tổng hợp đúng và đầy đủ số liệu GDP loại hình kinh tế tập thể nhằm: (1) Góp phần phản ánh kịp thời, chính xác quy mô, cơ cấu, tăng trưởng và đóng góp của loại hình kinh tế tập thể trong nền kinh tế đa dạng hình thức sở hữu của nước ta; (2) Cung cấp thêm thông tin thống kê phục vụ sự lãnh đạo của Đảng; sự chỉ đạo, quản lý, điều hành của Nhà nước và chính quyền các cấp đối với các chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nói chung và phát triển kinh tế tập thể nói riêng; (3) Đáp ứng nhu cầu sử dụng của các tổ chức, cá nhân khác.

**2.2.2. Mục tiêu cụ thể**

(1) Xác định các hình thức tổ chức thuộc phạm vi kinh tế tập thể trong nền kinh tế nước ta, làm căn cứ thu thập, tổng hợp thông tin đầu vào biên soạn GDP loại hình kinh tế tập thể của cả nước và GRDP kinh tế tập thể của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

(2) Chuẩn hóa phương pháp biên soạn; góp phần bảo đảm số lượng, nâng cao chất lượng số liệu GDP kinh tế tập thể; đáp ứng tốt hơn nhu cầu sử dụng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế.

**III. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN**

**3.1. Xác định các hình thức tổ chức kinh tế tập thể trong nền kinh tế nước ta hiện nay**

**3.1.1. Mục đích, ý nghĩa**

Kinh tế tập thể ở nước ta đã trải qua quá trình hình thành, phát triển tương đối dài, nhưng nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn chưa được làm rõ. Đến nay vẫn chưa chuẩn hóa được khái niệm để thống nhất sử dụng. Kinh tế tập thể bao gồm nhiều hình thức tổ chức đa dạng, nhưng trong những năm vừa qua, các văn bản pháp lý chủ yếu đề cập hai hình thức tổ chức là hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã theo phạm vi điều chỉnh của Luật Hợp tác xã. Gần đây bổ sung thêm tổ hợp tác, nhưng chừng đó là chưa đủ. Hợp tác xã được xác định là nòng cốt của kinh tế tập thể, nhưng không có nghĩa là kinh tế tập thể chỉ có hợp tác xã. Nội hàm kinh tế tập thể chưa có khái niệm định hình; ngoại diên, tức là phạm vi chưa được xác định đầy đủ đang là một trong những nguyên nhân dẫn đến hạn chế của nhiều hoạt động nghiên cứu, triển khai liên quan đến kinh tế tập thể nói chung và biên soạn GDP kinh tế tập thể nói riêng.

Thực trạng nêu trên cho thấy, nếu Đề án chỉ dừng ở việc bổ sung tổ hợp tác vào danh mục thu thập thông tin thì tuy phạm vi biên soạn có được cải thiện nhưng hạn chế “chưa tính đúng, tính đủ” GDP kinh tế tập thể vẫn còn đó và mục tiêu của Đề án đề ra chưa được hiện thực hóa. Trên ý nghĩa đó mà xét, một trong những nội dung then chốt của Đề án là phải dựa trên nhiều căn cứ để xác định tất cả các hình thức tổ chức kinh tế - xã hội thuộc phạm vi kinh tế tập thể, bao gồm cả lĩnh vực sản xuất và dịch vụ; cả kinh tế và xã hội. Dự thảo Đề án xác định đúng và đầy đủ phạm vi kinh tế tập thể, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt sẽ là cơ hội và căn cứ pháp lý quan trọng thu thập, tổng hợp thông tin biên soạn số liệu GDP phản ánh chính xác quy mô, hiệu quả và đóng góp của kinh tế tập thể trong nền kinh tế nước ta.

**3.1.2. Căn cứ xác định**

*a) Căn cứ bản chất và đặc trưng kinh tế - xã hội*

Cho đến nay, khái niệm và những tiêu chí đặc trưng kinh tế tập thể chưa được chuẩn hóa, các tài liệu nghiên cứu, các văn bản pháp lý diễn đạt chưa thật sự thống nhất. Tuy nhiên, có thể hiểu một cách khái quát: *Kinh tế tập thể là loại hình kinh tế do các cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân có nhu cầu hợp tác cùng có lợi, hoặc cùng thực hiện mục tiêu chung vì cộng đồng; tự nguyện đóng góp công sức, lao động, vốn, tài sản thành lập; quản trị theo nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ.*

Từ nội hàm nêu trên, có thể xác định hình thức tổ chức kinh tế tập thể phải thỏa mãn đồng thời các tiêu chí: (i) Được thành lập do các thành viên có nhu cầu hợp tác vì lợi ích của cá nhân, tập thể hoặc cộng đồng; (ii) Tự nguyện tham gia; (iii) Quản trị theo nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ. Đây là căn cứ tổng quát nhất, nhưng cũng là căn cứ toàn diện nhất, chính xác nhất để xem xét một tổ chức kinh tế - xã hội được xác định là hình thức cấu thành kinh tế tập thể. Để vận dụng căn cứ này đạt hiệu quả, cần tránh máy móc, chậm trễ đưa vào phạm vi thu thập thông tin biên soạn GDP kinh tế tập thể đối với các tổ chức kinh tế - xã hội bản chất là kinh tế tập thể, nhưng còn những chi tiết chưa hoàn toàn thỏa mãn tiêu chí nào đó theo quy định của một số văn bản pháp lý.

*b) Căn cứ quy định của pháp luật và các văn bản pháp lý liên quan*

Kinh tế tập thể trong nền kinh tế nước ta đã hình thành, phát triển qua nhiều thời kỳ; được Đảng, Nhà nước và chính quyền các cấp quan tâm, khuyến khích phát triển nên có nhiều văn bản pháp luật chỉ đạo, quản lý và hướng dẫn tổ chức, hoạt động. Đây là căn cứ rất quan trọng để xác định các hình thức tổ chức kinh tế tập thể trong nền kinh tế nước ta. Dựa trên căn cứ vững chắc này để xác định phạm vi kinh tế tập thể không chỉ tiến hành thuận lợi; mà còn giúp cho việc biên soạn GDP và các chỉ tiêu khác đo lường quy mô, đóng góp của kinh tế tập thể phù hợp hơn với các đối tượng sử dụng; trong đó có các cơ quan xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về loại hình kinh tế. Để vận dụng căn cứ pháp lý có hiệu quả, cần dựa vào hệ thống các văn bản pháp luật hiện hành quy định các hình thức tổ chức kinh tế - xã hội của tất cả các lĩnh vực kinh tế và xã hội; sản xuất và dịch vụ; không đơn thuần tập trung vào tổ chức kinh tế; và trong lĩnh vực kinh tế không bó hẹp trong phạm vi quy định của Luật Hợp tác xã và Luật Các tổ chức tín dụng như biên soạn GDP kinh tế tập thể những năm vừa qua.

*c) Căn cứ tình hình thực tế*

Trên thực tế, quy trình ban hành văn bản pháp luật khá phức tạp, thường diễn ra trong thời gian tương đối dài. Trong khi đó, các hình thức tổ chức kinh tế - xã hội nói chung và tổ chức kinh tế - xã hội thuộc loại hình kinh tế tập thể nói riêng biến động không ngừng và ngày càng đa dạng. Do vậy, nếu chỉ dựa vào căn cứ pháp lý thì khó có thể xác định kịp thời, đầy đủ phạm vi kinh tế tập thể. Đơn cử, tổ hợp tác xuất hiện khá sớm trong nền kinh tế nước ta, thậm chí trước cả hợp tác xã. Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã từng xác định “Kinh tế tập thể với hình thức phổ biến là tổ hợp tác và hợp tác xã”; nhưng qua 2 kỳ xây dựng, ban hành Luật Hợp tác xã năm 2003 và Luật Hợp tác xã năm 2012, tổ hợp tác vẫn không được các luật này quy định là loại hình kinh tế tập thể.

Bài học kinh nghiệm nêu trên cho thấy, các văn bản pháp quy có độ trễ nhất định; do đó, việc xác định phạm vi kinh tế tập thể cần bổ sung căn cứ tình hình thực tế. Tuy nhiên, tránh tư tưởng nóng vội, xếp vào phạm vi kinh tế tập thể những hình thức tổ chức hợp tác xã đã hình thành, phát triển và có hiệu quả trong các nền kinh tế thế giới; nhưng ở nước ta còn đang “nghiên cứu, xây dựng thí điểm” như tổ chức *liên đoàn hợp tác xã*, vì trên thực tế chưa chính thức hình thành, hoàn toàn không có cơ sở thực tế để thu thập, tổng hợp thông tin. Nhưng một khi hình thức tổ chức kinh tế này chính thức hình thành, phát triển với quy mô đủ lớn cần kịp thời cập nhật thông tin ban đầu biên soạn các chỉ tiêu kinh tế - xã hội nói chung và biên soạn GDP kinh tế tập thể nói riêng; khắc phục tình trạng bị động đợi chờ văn bản pháp quy về tổ hợp tác như thời gian vừa qua.

*d) Căn cứ nguyên tắc xác định đơn vị thống kê trong nghiệp vụ biên soạn SNA*

Đơn vị thống kê là đơn vị được xác định để tiến hành thu thập thông tin thống kê. Nghiệp vụ biên soạn các chỉ tiêu thuộc Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) nói chung và biên soạn GDP kinh tế tập thể nói riêng quy định đơn vị thống kê là đơn vị thể chế; được khái niệm là đơn vị kinh tế - xã hội: (i) có thể tham gia vào các loại giao dịch; (ii) tự sở hữu hàng hóa hoặc tài sản (tích sản); (iii) đồng thời có khả năng phát sinh nghĩa vụ nợ (tiêu sản); và (iv) được tham gia các hoạt động, giao dịch với các đơn vị thể chế khác. Khung lý thuyết Hệ thống SNA 2008 xác định, đơn vị thể chế gồm hai loại hình chính: Cá nhân hoặc nhóm cá nhân dưới hình thức hộ gia đình; Pháp nhân hoặc thực thể xã hội có quyền tham gia vào các hoạt động và giao dịch kinh tế. Ở Việt Nam, đơn vị thể chế biểu hiện dưới những hình thức tổ chức kinh tế - xã hội cụ thể sau đây:

1. Cá nhân, hộ gia đình;

(2) Doanh nghiệp;

(3) Tổ chức kinh tế hoạt động giống doanh nghiệp, nhưng không đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của doanh nghiệp; bao gồm: Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và các tổ chức kinh tế khác;

(4) Đơn vị không vì lợi; bao gồm: Hội, tổng hội, hiệp hội, liên hiệp hội, liên đoàn, tổ chức từ thiện, tổ chức tôn giáo tín ngưỡng, tổ chức phi chính phủ và các tổ chức không vì lợi khác;

(5) Cơ quan hành chính; bao gồm: Cơ quan Đảng, Nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội.

Từ nguyên tắc nghiệp vụ thu thập thông tin theo đơn vị thể chế, có thể và cần phải căn cứ các tiêu chí kinh tế tập thể xem xét đối với tất cả các tổ chức kinh tế - xã hội để xác định đúng và đầy đủ phạm vi kinh tế tập thể; không bó hẹp trong 03 tổ chức kinh tế thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hợp tác xã năm 2023 là tổ hợp tác, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã.

**3.1.3. Các hình thức tổ chức kinh tế tập thể trong nền kinh tế nước ta hiện nay**

Dựa trên các căn cứ: (i) bản chất kinh tế và đặc trưng cơ bản của loại hình kinh tế tập thể; (ii) các quy định của pháp luật và các văn bản pháp lý hiện hành; (iii) tình hình thực tế, (iv) nguyên tắc xác định đơn vị thống kê trong nghiệp vụ biên soạn SNA, có thể xác định phạm vi kinh tế tập thể trong nền kinh tế nước ta hiện nay cần thu thập thông tin biên soạn GDP bao gồm:

*a) Tổ hợp tác*

Tổ hợp tác là hình thức tổ chức kinh tế tập thể đã hình thành, phát triển trong nền kinh tế nước ta từ nhiều năm trước; được Luật Hợp tác xã năm 1996 đề cập và ngày 10/10/2019 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 77/2019/NĐ-CP quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động và chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác. Tuy nhiên, Luật Hợp tác xã năm 2023 mới chính thức đưa vào phạm vi điều chỉnh. Theo quy định trong Luật Hợp tác xã năm 2023, tổ hợp tác là tổ chức không có tư cách pháp nhân, được hình thành trên cơ sở hợp tác do ít nhất 02 thành viên tự thành lập, cùng góp vốn, góp sức lao động để thực hiện những công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm. Phương pháp luận SNA không bắt buộc đơn vị thể chế phải có tư cách pháp nhân, do vậy tổ hợp tác đủ căn cứ pháp lý và khoa học xác định là hình thức tổ chức cấu thành kinh tế tập thể ở nước ta.

*b) Hợp tác xã*

Luật Hợp tác xã năm 2023 quy định, hợp tác xã là tổ chức có tư cách pháp nhân do ít nhất 05 thành viên chính thức tự nguyện thành lập, hợp tác tương trợ trong sản xuất kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung về kinh tế, văn hóa, xã hội của thành viên, góp phần xây dựng cộng đồng xã hội phát triển bền vững, thực hiện quản trị tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ. Căn cứ vào đặc điểm hoạt động, hợp tác xã bao gồm:

(1) Hợp tác xã phục vụ sản xuất;

(2) Hợp tác xã phục vụ tiêu dùng;

(3) Hợp tác xã tạo việc làm;

(4) Hợp tác xã hỗn hợp.

*c) Liên hiệp hợp tác xã*

Luật Hợp tác xã năm 2023 xác định, liên hiệp hợp tác xã là tổ chức có tư cách pháp nhân ít nhất có 03 hợp tác xã là thành viên chính thức tự nguyện thành lập, hợp tác tương trợ trong sản xuất kinh doanh, tạo việc làm nhằm mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực tham gia thị trường; góp phần xây dựng cộng đồng xã hội phát triển bền vững; thực hiện quản trị tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ. Luật Hợp tác xã năm 2012 xác định liên hiệp hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể và đã thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hợp tác xã năm 2012 và Luật Hợp tác xã năm 2023. Trong những năm vừa qua, GDP liên hiệp hợp tác xã tạo ra đã được thu thập, tổng hợp trong GDP loại hình kinh tế tập thể.

*d) Tổ chức tín dụng là hợp tác xã*

Tổ chức tín dụng là hợp tác xã là hình thức tổ chức tín dụng được tổ chức theo mô hình hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng nhằm mục tiêu chủ yếu là tương trợ giữa các thành viên thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ và cải thiện đời sống. Tổ chức tín dụng là hợp tác xã gồm: Quỹ tín dụng nhân dân và Ngân hàng hợp tác xã.

(i) Quỹ tín dụng nhân dân là tổ chức tín dụng do pháp nhân, cá nhân, hộ gia đình tự nguyện thành lập dưới hình thức hợp tác xã để thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng nhằm mục tiêu chủ yếu là tương trợ nhau phát triển sản xuất kinh doanh và phục vụ đời sống xã hội.

(ii) Ngân hàng hợp tác xã là ngân hàng của tất cả các quỹ tín dụng nhân dân, do các quỹ tín dụng nhân dân và một số pháp nhân khác góp vốn thành lập nhằm mục tiêu chủ yếu là liên kết hệ thống, hỗ trợ tài chính, điều hòa vốn trong hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.

Với bản chất kinh tế là hợp tác xã, trong những năm vừa qua, GDP các quỹ tín dụng nhân dân và Ngân hàng hợp tác xã tạo ra đã được thu thập, tổng hợp vào GDP loại hình kinh tế tập thể.

đ) *Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập đồng sở hữu*

Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập là đơn vị sự nghiệp do các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, cá nhân, nhóm cá nhân hoặc cộng đồng dân cư thành lập; tự bảo đảm kinh phí hoạt động bằng vốn ngoài ngân sách nhà nước nhằm góp phần phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục - thể thao, khoa học - công nghệ, môi trường và các lĩnh vực xã hội khác theo quy hoạch, kế hoạch chung của nhà nước.

Căn cứ tiêu thức chủ sở hữu, có thể phân chia các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập thành hai tiểu tổ: (i) Đơn vị do một tổ chức hoặc cá nhân thành lập là chủ sở hữu, trực tiếp quản lý đơn vị theo cơ chế thủ trưởng và đây là hình thức tổ chức kinh tế tư nhân; (ii) Đơn vị sự nghiệp đồng sở hữu, do hai hay nhiều tổ chức, cá nhân hoặc cộng đồng thành lập, điều hành bởi Hội đồng quản trị, tương tự cơ chế điều hành của hợp tác xã. Dựa trên căn cứ *a) mục 3.1.2* có thể khẳng định đơn vị sự nghiệp ngoài công lập đồng sở hữu là hình thức tổ chức kinh tế tập thể. Trong những năm vừa qua, tất cả thông tin thu thập được từ các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập đồng sở hữu đều tổng hợp chung vào loại hình kinh tế tư nhân, không phân biệt đơn vị một chủ sở hữu hay đồng chủ sở hữu. Đây là một trong những nguyên nhân trực tiếp dẫn tới số liệu GDP kinh tế tập thể biên soạn thấp hơn so với thực tế, cần triển khai các giải pháp nghiệp vụ khắc phục dứt điểm.

*e) Hội hoạt động bằng kinh phí ngoài ngân sách nhà nước, thành lập theo quy định của pháp luật*

Hội và tổ chức xã hội tương tự hội (sau đây gọi chung là hội) hoạt động bằng kinh phí ngoài ngân sách nhà nước được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập theo quy định của pháp luật đã được cụ thể hóa trong Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ. Điều 2 của Nghị định xác định: Hội là tổ chức tự nguyện của công dân, tổ chức Việt Nam cùng ngành nghề, cùng sở thích, cùng giới, có chung mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, hoạt động thường xuyên, không vụ lợi nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, của cộng đồng; hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3 của Nghị định quy định 5 nguyên tắc tổ chức, hoạt động của hội, bao gồm: (1) Tự nguyện, tự quản; (2) Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch; (3) Tự bảo đảm kinh phí hoạt động; (4) Không vì mục đích lợi nhuận; (5) Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và điều lệ hội. Với những nguyên tắc tổ chức, hoạt động như vậy, hội đáp ứng các tiêu chí của kinh tế tập thể. Việc xác định hội là một trong những hình thức tổ chức cấu thành kinh tế tập thể sẽ khắc phục tình trạng kéo dài nhiều năm tổng hợp GDP của các hội tạo ra vào loại hình kinh tế tư nhân; không chỉ nâng cao tính chính xác, độ tin cậy của số liệu GDP kinh tế tập thể, mà còn góp phần bảo đảm số liệu GDP loại hình kinh tế tư nhân thực chất hơn.

**3.2. Chuẩn hóa phương pháp, chỉ tiêu, nguồn số liệu biên soạn GDP kinh tế tập thể**

**3.2.1. Phương pháp biên soạn**

*a) Phương pháp biên soạn chung*

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) là giá cả thị trường của tất cả các hàng hóa và dịch vụ cuối cùng do các đơn vị thể chế thường trú sản xuất ra trong phạm vi một lãnh thổ trong một thời gian nhất định; được tính theo ba phương pháp: Phương pháp sản xuất, phương pháp thu nhập và phương pháp sử dụng. Biên soạn GDP kinh tế tập thể nhằm mục đích chủ yếu tính toán, xác lập các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô phản ánh quy mô, tốc độ tăng trưởng, tỷ trọng kinh tế tập thể chiếm trong nền kinh tế quốc dân và các chỉ tiêu kinh tế - xã hội liên quan; không có mục tiêu trực tiếp tham gia biên soạn các tài khoản, lập các bảng cân đối; do vậy, lựa chọn phương pháp sản xuất là phù hợp nhất.

*b) Phương pháp thu thập, tổng hợp thông tin đầu vào*

(1) Theo phương pháp sản xuất, GDP kinh tế tập thể được tổng hợp từ giá trị tăng thêm (VA) của các đơn vị thể chế thuộc phạm vi kinh tế tập thể. Đây là phần chênh lệch giữa giá trị sản xuất và chi phí trung gian với nội hàm gồm 5 yếu tố: (i) Thu nhập của người lao động; (ii) Giá trị khấu hao tài sản cố định; (iii) Thuế sản xuất; (iv) Thặng dư sản xuất; (v) Thu nhập hỗn hợp từ sản xuất.

(2) Giá trị tăng thêm thuộc phạm trù kinh tế vĩ mô, khác biệt so với khái niệm lợi nhuận theo hạch toán kinh tế vi mô của đơn vị sản xuất kinh doanh. Có nhiều yếu tố tính trong giá trị tăng thêm nhưng không có trong cấu thành lợi nhuận như: Thu nhập của người lao động; giá trị khấu hao tài sản cố định và một số yếu tố khác. Do vậy, mặc dù mục đích chủ yếu của kinh tế tập thể là hợp tác, liên kết sản xuất kinh doanh, không quá chú trọng lợi nhuận nên mức lợi nhuận thu được thường không lớn; nhưng quy mô giá trị tăng thêm của các đơn vị này đóng góp vào GDP kinh tế tập thể vẫn rất đáng kể, lớn hơn nhiều quy mô lợi nhuận.

(3) Việc thu thập, tổng hợp giá trị tăng thêm của thành viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã, thành viên liên hiệp hợp tác xã và những thành viên khác (gọi chung là thành viên hợp tác) là nghiệp vụ phức tạp do có sự đan xen sở hữu với sự tham gia của hầu hết các loại hình kinh tế trong nền kinh tế quốc dân. Để tránh bỏ sót, tính trùng và đặc biệt là không tổng hợp giá trị tăng thêm của thành viên hợp tác thuộc loại hình kinh tế khác vào GDP kinh tế tập thể, cần chia tách giá trị tăng thêm của từng thành viên hợp tác tạo ra thành hai phần riêng biệt, mỗi phần được tính toán và biên soạn vào GDP kinh tế tập thể theo phương pháp khác nhau, cụ thể như sau:

(i) Phần giá trị tăng thêm của tất cả các thành viên hợp tác đóng góp trong tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và đóng góp trong các hình thức kinh tế tập thể khác (gọi chung là đơn vị thể chế hợp tác) đều được thu thập; bất kể về bản chất kinh tế, thành viên đó thuộc hình thức tổ chức kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể hay loại hình kinh tế khác. Phần giá trị tăng thêm này tính chung trong đơn vị thể chế hợp tác; không bóc tách theo từng thành viên hợp tác và được tổng hợp vào cấu thành GDP kinh tế tập thể.

(ii) Phần giá trị tăng thêm ngoài phạm vi hợp tác của các thành viên hợp tác được tính riêng theo từng đơn vị với tư cách là đơn vị thể chế độc lập; nhưng không tính cho tất cả các thành viên hợp tác, chỉ tính cho thành viên hợp tác thuộc loại hình kinh tế tập thể và được tổng hợp trực tiếp vào GDP kinh tế tập thể; không gộp vào giá trị tăng thêm của đơn vị đơn vị thể chế hợp tác.

Tổng hợp lại, GDP kinh tế tập thể bao gồm: (i) Giá trị tăng thêm của tất cả các thành viên hợp tác đóng góp chung trong đơn vị thể chế hợp tác; (ii) Giá trị tăng thêm ngoài phạm vi hợp tác của các thành viên hợp tác là tổ chức kinh tế tập thể. Như vậy, trong cấu thành GDP kinh tế tập thể không bao gồm giá trị tăng thêm của các thành viên hợp tác không thuộc phạm vi kinh tế tập thể. Theo đó, không bao gồm giá trị tăng thêm ngoài phạm vi hợp tác của doanh nghiệp là thành viên hợp tác và doanh nghiệp được hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc đơn vị thể chế hợp tác khác thành lập, do các doanh nghiệp hoạt động độc lập theo Luật Doanh nghiệp và không phải là hình thức tổ chức kinh tế tập thể.

Trong cấu thành GDP kinh tế tập thể cũng không bao gồm GDP lan tỏa do không thể đo lường được yếu tố này với đơn vị thể chế là đơn vị cơ sở. Khung lý thuyết SNA chỉ tính GDP lan tỏa theo đơn vị ngành kinh tế trên cơ sở sử dụng Bảng cân đối liên ngành I/O, có sẵn hệ số chi phí trực tiếp chỉ với vài trăm ngành trong Hệ thống bảng phân ngành kinh tế quốc dân. Trong khi đó, GDP kinh tế tập thể biên soạn theo đơn vị thể chế là đơn vị kinh tế cơ sở, có hàng triệu đơn vị và thường xuyên biến động nên việc xác định hệ số chi phí trực tiếp giữa các đơn vị là không thể. Một số nhà kinh tế, chuyên gia tài khoản quốc gia hàng đầu thế giới nỗ lực thử nghiệm biên soạn GDP lan tỏa theo đơn vị thể chế, nhưng chỉ tính được cỡ mẫu không đủ lớn, kết quả tính toán có độ tin cậy thấp nên không được sử dụng trong các đánh giá chính thức và trong các văn bản có tính pháp lý.

*c) Trách nhiệm và quy trình biên soạn*

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) trực tiếp biên soạn GDP kinh tế tập thể của cả nước và GRDP kinh tế tập thể các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Phương pháp và quy trình biên soạn thực hiện theo Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**3.2.2. Các chỉ tiêu biên soạn, công bố**

(1) Các chỉ tiêu biên soạn bao gồm: (i) Quy mô GDP kinh tế tập thể của cả nước và GRDP kinh tế tập thể các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo giá hiện hành và giá so sánh; (ii) Cơ cấu GDP kinh tế tập thể chiếm trong GDP cả nước và chiếm trong GRDP của địa phương tính theo giá hiện hành; (iii) Tốc độ tăng GDP kinh tế tập thể của cả nước và GRDP kinh tế tập thể của các địa phương tính theo giá so sánh.

(2) Các chỉ tiêu nêu trên tổng hợp số liệu cả năm và công bố hằng năm bao gồm: (i) Số liệu ước tính, số liệu sơ bộ, số liệu chính thức về quy mô, tỷ trọng và tốc độ tăng GDP kinh tế tập thể của cả nước; (ii) Số liệu chính thức về quy mô, tỷ trọng và tốc độ tăng GRDP kinh tế tập thể của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Thời gian công bố số liệu thực hiện theo Điều 2, Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07/6/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tình, thành phố trực thuộc Trung ương.

(3) Thống nhất sử dụng số liệu GDP kinh tế tập thể do Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) biên soạn, công bố. Số liệu GDP kinh tế tập thể cả nước và GRDP kinh tế tập thể của các địa phương do các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác tính toán, công bố không thay thế tính pháp lý của số liệu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư(Tổng cục Thống kê) biên soạn, cung cấp, công bố và phổ biến.

**3.2.3. Nguồn thông tin đầu vào**

Nguồn số liệu và quy trình thu thập, tổng hợp thông tin biên soạn GDP do các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tổ chức tín dụng là hợp tác xã tạo ra đã được xây dựng và thực hiện qua nhiều năm nên có sự ổn định về số lượng và chất lượng, có độ tin cậy cao. Do đó cần tiếp tục duy trì, củng cố và nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng. Phương hướng chuẩn hóa nguồn thông tin đầu vào, dành ưu tiên đối với các hình thức tổ chức kinh tế tập thể chưa được tổng hợp chung vào GDP kinh tế tập thể, bao gồm: Tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập đồng sở hữu và các hội hoạt động bằng kinh phí ngoài ngân sách nhà nước. Cụ thể như sau:

*a) Đối với tổ hợp tác*

Trong nền kinh tế nước ta, tổ hợp tác hình thành và phát triển khá sớm nên nhiều văn bản pháp lý quy định tổ chức, hoạt động và chế độ báo cáo đã được ban hành. Ngày 10/10/2019 Chính phủ ban hành Nghị định số 77/2019/NĐ-CP về tổ hợp tác; ngày 18/7/2024, Thủ tưởng Chính phủ ban hành Nghị định số 92/2024/NĐ-CP về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Tuy nhiên, các văn bản hiện hành chưa đáp ứng đầy đủ thông tin đầu vào tổng hợp giá trị tăng thêm của tổ hợp tác biên soạn GDP kinh tế tập thể. Do vậy, trong những năm đầu triển khai thực hiện Đề án, hằng năm cần tiến hành cuộc điều tra chọn mẫu thu thập bổ sung thêm thông tin về kết quả hoạt động của tổ hợp tác. Đồng thời thí điểm cài đặt thông tin cần thu thập vào Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025 và Tổng điều tra kinh tế năm 2026 để rút kinh nghiệm chuẩn hóa nguồn thông tin biên soạn GDP kinh tế tập thể của tổ hợp tác.

*b) Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập đồng sở hữu*

Thông tin ban đầu của các đơn vị sự nghiệp, trong đó có đơn vị sự nghiệp ngoài công lập đồng sở hữu được thu thập qua Tổng điều tra kinh tế chu kỳ 5 năm, tiến hành vào các năm có số tận cùng là 1 và 6; Điều tra đơn vị sự nghiệp và tổ chức vô vị lợi chu kỳ 5 năm, tiến hành vào các năm có số tận cùng là 3 và 8 và các cuộc điều tra khác về y tế, khoa học - công nghệ. Tuy nhiên, để nâng cao tính hệ thống của các thông tin ban đầu thu thập từ hình thức tổ chức kinh tế tập thể này có thể và cần phải chuyển cuộc Điều tra chọn mẫu các đơn vị sự nghiệp và các tổ chức vô vị lợi từ chu kỳ 5 năm sang chu kỳ hằng năm. Trong thời gian chưa bố trí cuộc Điều tra đơn vị sự nghiệp và tổ chức vô vị lợi theo chu kỳ hằng năm, có thể sử dụng tỷ lệ của những năm tiến hành Tổng điều tra kinh tế; Điều tra đơn vị sự nghiệp và tổ chức vô vị lợi để biên soạn GDP kinh tế tập thể những năm không có điều tra.

*c) Hội hoạt động bằng kinh phí ngoài ngân sách nhà nước, thành lập theo quy định của pháp luật*

Việc thu thập thông tin ban đầu của hội và các tổ chức tương tự hoạt động bằng kinh phí ngoài ngân sách nhà nước có thể thực hiện qua Tổng điều tra kinh tế chu kỳ 5 năm; Điều tra đơn vị sự nghiệp và tổ chức vô vị lợi. Tuy nhiên, các hình thức tổ chức hội thường hoạt động không ổn định nên GDP biên soạn trên cơ sở sử dụng các tỷ lệ của những năm tổng điều tra và điều tra tính cho năm không điều tra có độ tin cậy thấp. Do vậy, cần thống nhất chuyển chu kỳ cuộc Điều tra chọn mẫu các đơn vị sự nghiệp và tổ chức vô vị lợi từ chu kỳ 5 năm thành chu kỳ hằng năm. Trong trường hợp chưa tìm được giải pháp tốt hơn, tạm thời sử dụng các tỷ lệ của hai cuộc điều tra nêu trên để biên soạn GDP kinh tế tập thể đối với những năm không có điều tra, tương tự đề xuất ở *mục b)*.

**IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

**4.1. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm biên soạn, công bố GDP kinh tế tập thể trong nền kinh tế nước ta**

Nghị quyết số 20-NQ/TW chỉ rõ, một trong những nguyên nhân dẫn đến khu vực kinh tế tập thể chưa phát triển như mục tiêu, yêu cầu đề ra là do “Nhận thức của nhiều cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và nhân dân về bản chất, vị trí, vai trò của kinh tế tập thể trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa đầy đủ, thiếu thống nhất”. Đối với ngành Thống kê và những người trực tiếp biên soạn GDP kinh tế tập thể, ngoài việc quán triệt tầm quan trọng của kinh tế tập thể; còn phải nhận thức đầy đủ ý nghĩa của chỉ tiêu GDP, là chỉ tiêu kinh tế chất lượng tổng hợp, thường xuyên được các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng đo lường, đánh giá quy mô, hiệu quả đóng góp của kinh tế tập thể trong nền kinh tế quốc dân.

Trên cơ sở đó, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tuân thủ phương pháp nghiệp vụ, không ngừng hoàn thiện kỹ năng và tính chuyên nghiệp biên soạn chỉ tiêu này. Quyết tâm khắc phục bất hợp lý trong quá trình tổng hợp thông tin biên soạn GDP khu vực ngoài nhà nước. Đó là, một khi gặp khó khăn, trở ngại bóc tách phần GDP kinh tế tập thể tạo ra thì tất cả thông tin thu thập được đều tính chung vào kinh tế tư nhân hoặc kinh tế cá thể. Tình trạng này đã tồn tại nhiều năm gây xáo trộn lớn về số liệu GDP giữa các loại hình kinh tế ngoài nhà nước; giảm lòng tin của người sử dụng đối với số liệu GDP kinh tế tập thể do ngành Thống kê biên soạn, công bố.

**4.2. Khảo sát, đánh giá đầy đủ phạm vi và thực trạng nguồn số liệu biên soạn GDP kinh tế tập thể ở nước ta hiện nay**

Quá trình đổi mới, thực hành dân chủ hóa đời sống kinh tế - xã hội, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với sự tham gia của nhiều loại hình sở hữu đã giải phóng sức sản xuất, làm xuất hiện ngày càng nhiều với tốc độ ngày càng nhanh các hình thức tổ chức kinh tế mới; trong đó có các hình thức tổ chức kinh tế tập thể. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có tài liệu nào quy định tất cả các hình thức tổ chức kinh tế tập thể trong nền kinh tế nước ta. Xét về góc độ nghiệp vụ chuyên môn, ngành Thống kê cũng chưa có điều tra, đánh giá phạm vi kinh tế tập thể và mức độ đáp ứng của các kênh thu thập thông tin đầu vào biên soạn GDP kinh tế tập thể.

Trong quá trình xây dựng dự thảo Đề án trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Tổng cục Thống kê và Ban Biên soạn Đề án đã chủ trì, phối hợp với Thống kê các bộ, ngành, địa phương thu thập thông tin đánh giá thực trạng biên soạn GDP kinh tế tập thể những năm vừa qua, nhưng chỉ phản ánh tình hình chung nhất, khái quát nhất. Để góp phần triển khai thực hiện Đề án thành công, đạt kết quả cao nhất, cần tiến hành: (1) Xác định đúng và đầy đủ các hình thức tổ chức kinh tế tập thể trong nền kinh tế nước ta; (2) Đánh giá chính xác số lượng và chất lượng nguồn thông tin hiện có đáp ứng yêu cầu biên soạn GDP kinh tế tập thể theo hướng trung thực, khách quan, kịp thời, đầy đủ, chính xác, minh bạch; (3) Làm rõ nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn tới những hạn chế, bất cập trong biên soạn GDP kinh tế tập thể đang tồn tại; làm cơ sở tìm giải pháp khắc phục; (4) Triển khai thí điểm Đề án, rút kinh nghiệm trước khi triển khai thực hiện chính thức trên phạm vi cả nước; (5) Rà soát, cập nhật số liệu GDP kinh tế tập thể những năm 2021- 2026 theo phương pháp biên soạn đã được chuẩn hóa.

**4.3. Bổ sung hoàn thiện khung khổ pháp lý và các văn bản nghiệp vụ hướng dẫn biên soạn GDP kinh tế tập thể**

Trong những năm vừa qua, nhiều văn bản pháp lý quy định phạm vi, nguồn số liệu biên soạn GDP kinh tế tập thể đã được ban hành. Để Đề án nhanh chóng phát huy tác động tích cực, cần tiếp tục bổ sung, hoàn thiện một số văn bản pháp lý và hướng dẫn nghiệp vụ quan trọng sau đây:

(i) Trên cơ sở Thông tư hướng dẫn phân loại theo loại hình kinh tế (bao gồm kinh tế tập thể) Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành theo nhiệm vụ được giao trong Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW và các văn bản liên quan; cần bổ sung các văn bản nghiệp vụ hướng dẫn thu thập, tổng hợp, biên soạn GDP kinh tế tập thể theo mục tiêu và nội dung của Đề án.

(ii) Rà soát các văn bản quy định về các chế độ báo cáo, chương trình điều tra thống kê và khai thác hồ sơ hành chính hiện hành; xây dựng, bổ sung các văn bản thu thập thông tin thống kê đầu vào biên soạn GDP kinh tế tập thể trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; trong đó có các văn bản thu thập thông tin về tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập đồng sở hữu và tổ chức hội hoạt động bằng kinh phí ngoài ngân sách nhà nước.

(iii) Xây dựng riêng hoặc lồng ghép quy trình biên soạn GDP kinh tế tập thể vào quy trình biên soạn GDP và GRDP hiện có. Trong nội dung quy trình biên soạn GDP kinh tế tập thể được xây dựng riêng hoặc lồng ghép, bên cạnh việc quy định trách nhiệm của các đơn vị nghiệp vụ chuyên ngành Thống kê và biên soạn tài khoản quốc gia, cần đặc biệt quan tâm ứng dụng rộng rãi, đồng bộ công nghệ thông tin trong tất cả các khâu: Thu thập, xử lý, tổng hợp, biên soạn, cung cấp, công bố, phổ biến và lưu trữ GDP kinh tế tập thể.

**4.4. Tăng cường đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực biên soạn và kỹ năng khai thác, sử dụng số liệu GDP kinh tế tập thể cho các đối tượng dùng tin**

(1) Biên soạn GDP là nghiệp vụ phức tạp tốn nhiều công sức và kinh phí, nhưng yêu cầu tăng cường số lượng nhân lực biên soạn GDP kinh tế tập thể trong điều kiện hiện nay là thiếu thực tế và không khả thi. Ngành Thống kê đang tiếp tục triển khai thực hiện Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế giai đoạn 2022 - 2026 và Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức trong cơ quan, tổ chức. Mặt khác, trước yêu cầu ngày càng cao về chất lượng, sản phẩm dịch vụ cung cấp cho xã hội, xu thế chung của thế giới là ưu tiên sử dụng nhân lực chất lượng cao hơn là toàn dụng lao động tay nghề thấp, giá rẻ. Do vậy, biên soạn GDP nói chung và GDP kinh tế tập thể là nghiệp vụ chuyên sâu càng cần phải nâng cao chất lượng đội ngũ những người trực tiếp tham gia biên soạn.

(2) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thống kê biên soạn GDP kinh tế tập thể trước hết và chủ yếu là xây dựng đội ngũ chuyên gia có kỹ năng toàn diện, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ thống kê, thành thạo về công nghệ thông tin. Để đáp ứng yêu cầu này, cần thường xuyên đào tạo, cập nhật chuyên môn nghiệp vụ cho những người trực tiếp biên soạn GDP kinh tế tập thể, đặc biệt là những người không được đào tạo chuyên ngành Thống kê; đồng thời gắn việc đạo tạo chuyên môn nghiệp vụ thống kê với đào tạo kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng lực thực hành của những đối tượng này. Đối với những người làm công nghệ thông tin tham gia trực tiếp vào quá trình thu thập, xử lý, tổng hợp, biên soạn, công bố, lưu trữ số liệu GDP kinh tế tập thể cần đào tạo, hướng dẫn phương pháp luận thống kê và khung lý thuyết Hệ thống tài khoản quốc gia nhằm nâng cao hiệu quả của công nghệ thông tin trong công tác thống kê nói chung và biên soạn GDP kinh tế tập thể nói riêng. Để các hoạt động đào tạo này tiến hành thường xuyên, rộng khắp, khả thi và hiệu quả, cần mở các lớp đào tạo ngắn ngày theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp đào tạo trực tuyến với đào tạo bán tập trung. Mặt khác, đào tạo là quá trình liên tục; do vậy, mỗi cá nhân phải xác định phương châm tự đào tạo là chính.

(3) Cùng với việc tăng cường đào tạo chuyên sâu và nâng cao tính chuyên nghiệp cho những người làm công tác thống kê và công nghệ thông tin trong các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê và Thống kê các bộ, ngành, địa phương, cần chú trọng phổ cập kiến thức thống kê và hướng dẫn kỹ năng khai thác số liệu GDP kinh tế tập thể cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng. Các đối tượng này phải được đào tạo, hướng dẫn cách tiếp cận, khai thác, sử dụng có hiệu quả số liệu GDP kinh tế tập thể đã được các cơ quan, tổ chức Thống kê biên soạn, công bố. Mặt khác, cần trang bị kỹ năng tự thu thập, xử lý, tổng hợp thông tin thống kê hiện có; đặc biệt là kỹ năng khai thác dữ liệu thống kê ban đầu trên môi trường mạng, môi trường số và trong các dữ liệu hành chính, dữ liệu lớn, dữ liệu mở, kho dữ liệu để chủ động tạo lập, biên soạn số liệu GDP kinh tế tập thể và những chỉ tiêu liên quan phục vụ các hoạt động nghiên cứu, triển khai của mình. Trên cơ sở dữ liệu thống kê ban đầu được các cơ quan, tổ chức Thống kê xây dựng, cập nhật và cho phép truy cập; người sử dụng thông tin tiến hành khai thác, biên soạn các chỉ tiêu tổng hợp thứ cấp để sử dụng đang là một trong những nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển thống kê của các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới hiện nay.

**4.5. Bảo đảm kinh phí thực hiện Đề án**

Kinh phí triển khai thực hiện Đề án của Tổng cục Thống kê và các cơ quan, tổ chức Thống kê bộ, ngành, địa phương được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Bên cạnh sử dụng kinh phí chi thường xuyên hằng năm, ngân sách nhà nước cần bổ sung kinh phí khởi động, triển khai Đề án, cụ thể như sau:

(1) Kinh phí năm 2025 - 2026, dự kiến 30 tỷ đồng, bao gồm: (i) Khảo sát thí điểm 6 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và biên soạn thử nghiệm kết quả tính GDP loại hình kinh tế tập thể tiến hành năm 2025 là 5 tỷ đồng; (ii) Điều tra lập danh sách tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập đồng sở hữu và các tổ chức hội; đồng thời xử lý, tổng hợp kết quả điều tra tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành trong năm 2026 là 20 tỷ đồng; (iii) Thu thập, bổ sung thêm thông tin từ các cuộc điều tra thống kê thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia, khai thác hồ sơ hành chính, các báo cáo thống kê hiện hành và tổng hợp số liệu biên soạn GDP loại hình kinh tế tập thể là 4,5 tỷ đồng; (iv) Xây dựng 03 văn bản (Quy định các hình thức tổ chức thuộc phạm vi kinh tế tập thể; Xác định nguồn số liệu cần bổ sung thu thập, tổng hợp; Chuẩn hóa quy trình biên soạn GDP kinh tế tập thể) là 500 triệu đồng.

(2) Kinh phí năm 2027 - 2030, dự kiến 20 tỷ đồng, bao gồm: (i) Tổ chức điều tra chọn mẫu thu thập thông tin tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập đồng sở hữu, các tổ chức hội hằng năm (2027 - 2030) là 14 tỷ đồng; (ii) Tổng hợp thông tin đầu vào biên soạn GDP kinh tế tập thể hằng năm (từ năm 2027 - 2030) là 4 tỷ đồng; (iii) Rà soát, cập nhật số liệu GDP kinh tế tập thể cả nước và GRDP kinh tế tập thể 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2021 - 2026 là 2 tỷ đồng.

(3) Trên cơ sở chương trình, kế hoạch hành động triển khai thực hiện Đề án những năm 2027 - 2030, Tổng cục Thống kê và Thống kê các bộ, ngành, địa phương chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị chức năng của Bộ Tài chính, Sở Tài chính địa phương xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Đề án hằng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**5.1. Lộ trình thực hiện Đề án**

(1) Năm 2025 - 2026 khởi động triển khai Đề án với các hoạt động chủ yếu thuộc giải pháp 4.1 và 4.2.

(2) Năm 2027 chính thức thực hiện Đề án; đồng thời rà soát, cập nhật số liệu GDP chính thức của loại hình kinh tế tập thể cả nước và biên soạn, công bố số liệu GRDP chính thức của kinh tế tập thể các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương những năm 2021 - 2026 theo phương pháp đã được chuẩn hóa, bảo đảm tính so sánh và tính liên tục của hệ thống số liệu.

(3) Năm 2031 tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và gửi các cơ quan, tổ chức liên quan theo quy định.

**5.2. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

(1) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng, hoàn thiện các chương trình, kế hoạch hành động và điều phối chung việc triển khai thực hiện Đề án.

(2) Giám sát quá trình triển khai thực hiện Đề án; chủ động hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền bổ sung, điều chỉnh kịp thời các vấn đề phát sinh.

(3) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và Thống kê bộ, ngành, địa phương xây dựng tổng dự toán kinh phí thực hiện Đề án những năm 2025 - 2030, bao gồm kinh phí năm 2025 - 2026 và kinh phí 2027 - 2030.

(4) Triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình, kế hoạch hành động được phân công thuộc phạm vi Đề án.

(5) Hằng năm tổng hợp tình hình thực hiện Đề án và năm 2031 tổng kết kết quả thực hiện báo cáo Thủ tướng Chính phủ và gửi các cơ quan, tổ chức liên quan.

**5.3. Trách nhiệm của các bộ, ngành khác**

(1) Phân công đơn vị chịu trách nhiệm; bố trí nhân lực, kinh phí và các điều kiện khác triển khai thực hiện những nội dung của Đề án thuộc phạm vi trách nhiệm của bộ, ngành. Đánh giá kết quả thực hiện, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp chung.

(2) Bộ Tài chính trực tiếp thẩm định, đồng thời trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ theo quy định, giao Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, đơn vị tài chính các bộ, ngành thẩm định dự toán kinh phí do Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp đề nghị cấp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản liên quan.

**5.4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

(1) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn, triển khai thực hiện những nội dung trong Đề án thuộc phạm vi trách nhiệm; đồng thời chỉ đạo các sở, ban, ngành, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác thông tin thống kê ban đầu, phục vụ biên soạn GDP kinh tế tập thể của cả nước và GRDP kinh tế tập thể của địa phương cho Cục Thống kê tổng hợp báo cáo Tổng cục Thống kê theo quy định. Đánh giá kết quả thực hiện, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp chung.

(2) Thống nhất sử dụng số liệu GRDP kinh tế tập thể trên địa bàn địa phương do Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) biên soạn.

**VI. TÍNH KHẢ THI, TÍNH HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

**6.1. Tính khả thi của Đề án**

(1) Đề án được xây dựng trên căn cứ khoa học, hành lang pháp lý và kinh nghiệm tích lũy trong hơn 30 năm biên soạn GDP nói chung và GDP kinh tế tập thể nói riêng nên có tính khả thi cao.

(2) Trên cơ sở đánh giá đầy đủ, trung thực, khách quan thực trạng biên soạn GDP kinh tế tập thể những năm vừa qua và yêu cầu đặt ra trong thời gian tới, Đề án đã xác định đầy đủ các hình thức tổ chức kinh tế tập thể và chuẩn hóa phương pháp biên soạn GDP kinh tế tập thể phù hợp hơn với khung lý thuyết biên soạn Hệ thống tài khoản quốc gia của Liên hợp quốc và thực trạng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. Do vậy, khi triển khai thực hiện sẽ nhanh chóng phát huy tác dụng tích cực.

(3) Mục tiêu, nội dung của Đề án được cụ thể hóa bằng hệ thống các chương trình, kế hoạch hành động; được triển khai thực hiện bằng hệ thống các giải pháp đồng bộ càng bảo đảm cho Đề án có tính khả thi cao.

**6.2. Tính hiệu quả của Đề án**

(1) Nội dung Đề án tập trung làm rõ 02 vấn đề lớn: (i) Xác định đúng và đầy đủ phạm vi kinh tế tập thể trong nền kinh tế nước ta hiện nay; (ii) chuẩn hóa phương pháp, chỉ tiêu, nguồn số liệu biên soạn GDP kinh tế tập thể. Theo đó, xây dựng căn cứ khoa học, pháp lý và thực tiễn tạo điều kiện thuận lợi biên soạn GDP kinh tế tập thể. Phạm vi kinh tế tập thể không bó hẹp với các hình thức là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tổ chức tín dụng là hợp tác xã; mà được mở rộng đầy đủ hơn với sự tham gia của tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập đồng sở hữu và các tổ chức hội. Với cách tiếp cận như vậy, phần GDP kinh tế tập thể những năm vừa qua tổng hợp chung vào loại hình kinh tế tư nhân hoặc kinh tế cá thể được bóc tách tổng hợp vào GDP kinh tế tập thể. Do vậy, Đề án góp phần nâng cao chất lượng số liệu GDP của tất cả các loại hình kinh tế cấu thành GDP khu vực kinh tế ngoài nhà nước; không chỉ bảo đảm tính đầy đủ của số liệu GDP kinh tế tập thể, mà số liệu GDP kinh tế tư nhân, kinh tế cá thể biên soạn, công bố cũng chính xác, thực chất hơn.

(2) GDP kinh tế tập thể biên soạn tập trung tại Tổng cục Thống kê có đầy đủ nguồn số liệu trên phạm vi cả nước cũng như của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; đồng thời phương pháp thu thập, tổng hợp và biên soạn thống nhất là giải pháp tốt ngăn ngừa tình trạng số liệu địa phương biên soạn, công bố thường chênh lệch so với số liệu của Tổng cục Thống kê đã tồn nhiều năm. Trên cơ sở phạm vi và phương pháp được chuẩn hóa, số liệu GDP kinh tế tập thể những năm 2021- 2026 tiếp tục được cập nhật và công bố. Đây là hiệu quả rõ ràng và thiết thực vì khắc phục được tình trạng từ năm 2021 đến nay không công bố GDP kinh tế tập thể của cả nước và không biên soạn GRDP kinh tế tập thể của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do lo ngại sự chênh lệch số liệu tái diễn.

(3) Chương trình, kế hoạch và giải pháp triển khai thực hiện Đề án được xây dựng toàn diện và có tính chiến lược; bao gồm: Nâng cao nhận thức và trách nhiệm; bổ sung căn cứ pháp lý; hoàn thiện phương pháp nghiệp vụ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đây là những yếu tố then chốt cấu thành khả năng sản xuất thông tin thống kê kinh tế - xã hội và cung cấp những thông tin thống kê đã sản xuất được cho các đối tượng sử dụng. Theo đó, Đề án đã góp phần tăng cường năng lực thống kê quốc gia nói chung và nâng cao Chỉ số hiệu quả thống kê (SPI) của Thống kê nước ta theo Khung đánh giá do Ngân hàng Thế giới (WB) xây dựng, đang được các Cơ quan Thống kê quốc gia, vùng lãnh thổ và các Tổ chức quốc tế thống nhất sử dụng.

**6.3. Đề xuất, kiến nghị**

Phương pháp biên soạn GDP nói chung và biên soạn GDP kinh tế tập thể nói riêng được khởi động từ những năm 1989 - 1990 trong khuôn khổ Dự án trợ giúp kỹ thuật biên soạn Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) do Cơ quan Thống kê Liên hợp quốc (UNSC) tài trợ. Ngày 25/12/1992, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 183-TTg về việc áp dụng Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA). Từ năm 1994 đến nay, Tổng cục Thống kê và Cơ quan Thống kê các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã áp dụng phương pháp biên soạn GDP theo tiêu chuẩn quốc tế và thường xuyên rà soát, cập nhật. Do vậy, để khắc phục những hạn chế, bất cập đang tồn tại, Đề án không nghiên cứu xây dựng phương pháp biên soạn mới, tập trung chuẩn hóa phương pháp biên soạn hiện có, nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng số liệu GDP kinh tế tập thể. Trên tinh thần đó, dự thảo Đề án được xây dựng dưới tiêu đề *“Nghiên cứu hoàn thiện phương pháp biên soạn số liệu GDP* *loại hình kinh tế tập thể”*; thay vì sử dụng tiêu đề *“Nghiên cứu, thống kê, biên soạn số liệu GDP loại hình kinh tế tập thể”* đề ra ban đầu, nhằm bảo đảm sự thống nhất giữa tên Đề án với nội dung Dự thảo./.

**Phụ lục**

**Các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Đề án**

*(1) Chương trình, kế hoạch khảo sát, đánh giá phạm vi biên soạn và thực trạng nguồn số liệu biên soạn GDP kinh tế tập thể hiện nay*

- Mục tiêu: Làm căn cứ thực tiễn để chuẩn hóa nội dung, phương pháp biên soạn GDP kinh tế tập thể.

- Nội dung chủ yếu:

+ Rà soát các hình thức tổ chức kinh tế tập thể trong nền kinh tế nước ta hiện nay;

+ Đánh giá mức độ đáp ứng về số lượng và chất lượng của nguồn số liệu hiện có;

+ Triển khai thí điểm Đề án và đánh giá kết quả.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025 - 2026.

- Đơn vị chủ trì: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).

*(2) Xác định các hình thức tổ chức kinh tế - xã hội thu thập thông tin thống kê ban đầu biên soạn GDP kinh tế tập thể*

- Mục tiêu: Xác định đúng và đầy đủ các hình thức tổ chức thuộc phạm vi kinh tế tập thể trong nền kinh tế nước ta hiện nay, làm cơ sở tiến hành các hoạt động thu thập đầy đủ thông tin thống kê ban đầu biên soạn GDP kinh tế tập thể.

- Nội dung chủ yếu:

+ Căn cứ lý luận, tình hình thực tế, phương pháp nghiệp vụ và các văn bản pháp lý, trong đó có Thông tư hướng dẫn phân loại loại hình kinh tế của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, xác định các hình thức tổ chức kinh tế tập thể trong nền kinh tế nước ta hiện nay;

+ Ban hành văn bản quy định cụ thể để áp dụng thống nhất.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025 - 2026.

- Đơn vị chủ trì: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).

*(3) Chuẩn hóa nguồn thông tin thống kê biên soạn GDP kinh tế tập thể*

- Mục tiêu: Tạo điều kiện dễ dàng, thuận lợi thu thập đầy đủ thông tin thống kê ban đầu biên soạn GDP kinh tế tập thể theo phạm vi đã xác định.

- Nội dung:

+ Rà soát nguồn thông tin hiện có và tiếp tục duy trì, củng cố;

+ Bổ sung các nguồn thông tin khác; đặc biệt là xác định nguồn thông tin thống kê ban đầu của các hình thức tổ chức kinh tế - xã hội thuộc phạm vi biên soạn GDP kinh tế tập thể bao gồm: Tổ hợp tác; đơn vị sự nghiệp ngoài công lập đồng sở hữu và tổ chức hội đã được chuẩn hóa;

+ Ban hành các văn bản quy định cụ thể để áp dụng thống nhất.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025 - 2026.

- Đơn vị chủ trì: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).

*(4) Xây dựng quy trình biên soạn và trách nhiệm của các đơn vị*

- Mục tiêu: Thống nhất quy trình biên soạn và xác định trách nhiệm biên soạn.

- Nội dung:

+ Xây dựng quy trình biên soạn chi tiết;

+ Phân công trách nhiệm thu thập, tổng hợp, biên soạn GDP kinh tế tập thể;

+ Ban hành văn bản quy định cụ thể để có căn cứ triển khai thực hiện.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025 - 2026.

- Đơn vị chủ trì: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).

*(5) Rà soát, cập nhật số liệu GDP kinh tế tập thể của cả nước và biên soạn GRDP kinh tế tập thể của các địa phương những năm 2021 - 2026*

- Mục tiêu: Hình thành dãy số liệu GDP kinh tế tập thể của cả nước và GRDP kinh tế tập thể của các địa phương liên tục từ năm 2020 đến nay.

- Nội dung: Biên soạn, công bố số liệu GDP kinh tế tập thể của cả nước và GRDP kinh tế tập thể của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương những năm 2021 - 2026 theo phương pháp đã được chuẩn hóa.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025 - 2027.

- Đơn vị chủ trì: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).

*(6) Xây dựng chương trình, kế hoạch, nội dung đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực biên soạn và kỹ năng khai thác, sử dụng số liệu GDP kinh tế tập thể cho các đối tượng dùng tin*

- Mục tiêu: Nâng cao tính chuyên nghiệp của người biên soạn GDP kinh tế tập thể và kỹ năng khai thác, tổng hợp số liệu GDP kinh tế tập thể của người sử dụng.

- Nội dung:

+ Cập nhật kiến thức, kinh nghiệm và nâng cao tính chuyên nghiệp biên soạn GDP kinh tế tập thể của cán bộ, công chức Tổng cục Thống kê và các cơ quan, tổ chức Thống kê bộ, ngành, địa phương;

+ Hướng dẫn phương pháp tiếp cận, sử dụng số liệu GDP kinh tế tập thể do Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê địa phương cung cấp, công bố và kỹ năng tự khai thác, tổng hợp số liệu GDP kinh tế tập thể cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026 - 2030.

- Đơn vị chủ trì: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).

*(7) Xây dựng dự toán kinh phí triển khai thực hiện Đề án*

- Mục tiêu: Bảo đảm kinh phí thực hiện Đề án.

- Nội dung: Xây dựng dự toán kinh phí thực hiện một số nội dung của Đề án những năm 2025 - 2030 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025 - 2026.

- Đơn vị chủ trì: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê).

*(8) Tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án*

- Mục tiêu: Đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và cung cấp cho các cơ quan, tổ chức liên quan.

- Nội dung:

+ Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của Đề án đánh giá kết quả đạt được và những mặt cần tiếp tục thực hiện, chỉ rõ nguyên nhân và bài học kinh nghiệm;

+ Báo cáo Thủ tướng Chính phủ và công bố công khai, minh bạch.

- Thời gian thực hiện: Năm 2031.

- Đơn vị chủ trì: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)./.